

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

Bản án số: 75/2024/HS-PT

Ngày: 25 - 9 - 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Xuân Diệu

- Ông Dương Viết Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuận – Thẩm tra viên Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 97/2024/TLPT - HS ngày 20/8/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2024/QĐXXPT-HS ngày 26 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2024/QĐ-HSPT ngày 10/9/2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn Đ; sinh ngày 20 tháng 01 năm 1974, tại Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn D, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn phổ thông: 07/12; Con ông Nguyễn Lương N (đã chết) và bà Nguyễn Thị H (đã chết); Vợ: Lê Thị L, sinh 1973; Con: Có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh 2005; Tiền án; Tiền sự: Không.

Quá trình bản thân: Ngày 03/12/2021 bị Công an thị trấn P, huyện B ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “xâm hại sức khỏe của người khác” bằng hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng. (đã nộp phạt xong vào ngày 03/12/2021).

Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 14/12/2023 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại: Ông Mai Ngọc H1, sinh năm 1974; nơi cư trú: Thôn D, xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: ông Lê Minh T – Luật sư thuộc Văn phòng L1 – Đoàn luật sư tỉnh Q, có mặt.

Do có kháng cáo của bị hại ông Mai Ngọc H1 về phần trách nhiệm dân sự và phần hình phạt đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2024/HS-ST ngày

15/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình và kháng cáo của bị cáo [Nguyễn Văn Đ](#) về phần hình phạt đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2024/HS-ST ngày 15/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 11 giờ ngày 26/9/2023, [Nguyễn Văn Đ](#) đang sửa xe đạp cho khách tại nhà mình, thì nhìn thấy có người đang đào đất gần khu vực đất của nhà mình. [Đ](#) cầm theo một thanh sắt dài khoảng 120cm, đường kính 01cm và điều khiển xe mô tô đến vị trí có người để xem thì thấy ông [Mai Ngọc H1](#) đang dùng xẻng đào 01 mương thoát nước cạnh hàng rào của hai nhà dẫn nước chảy vào phần đất của nhà mình. Thấy vậy, [Đ](#) liền hỏi “Thằng mô đào nước chảy vô nương tau đó?”, ông [H1](#) trả lời “Tui đào cho nước chảy đó, kéo nước chảy vào nương tui”. Từ đó, hai bên đã xảy ra mâu thuẫn cãi vã, [Đ](#) đã sử dụng thanh kim loại mang theo đánh một cái theo hướng từ trên xuống, nhưng ông [Hoàng T1](#) được. Tiếp đó, [Đ](#) lại sử dụng thanh kim loại đánh tiếp một cái từ trên xuống, ông [H1](#) dùng cán xẻng đưa lên đỡ nhưng vẫn trúng vào phần vai phải của [H1](#), còn phần cán xẻng bị gãy, đập vào bàn tay trái của ông [H1](#). Do bị đánh nên ông [H1](#) bỏ chạy thì [Đ](#) tiếp tục đuổi theo sử dụng thanh kim loại đánh từ sau tới, trúng vào phần gót chân phải của ông [H1](#). Thấy chồng bị đuổi đánh, bà [Nguyễn Thị T2](#) (vợ của ông [H1](#)) chạy ra kéo ông [H1](#) vào trong sân nhà rồi đóng cổng lại. [Đ](#) đứng ngoài chửi bới một lúc rồi ra về, ông [H1](#) được gia đình đưa đi cấp cứu và điều trị tại [Bệnh viện T4](#) ngay trong ngày 26/9/2023.

Tại bản kết luận giám định bổ sung tổn thương cơ thể trên người sống số 23/KLTTCT-TTGDYK-PY ngày 27/02/2024 của [Trung tâm giám định y khoa - pháp y tỉnh Q](#), kết luận đối với [Mai Ngọc H1](#): Thương tích vùng vai phải để lại sẹo kích thước 2cm x 0,1cm, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 01%; Thương tích bàn tay trái hiện tại không để sẹo tích, di chứng, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 0%; Đứt gân gót bên phải, đã được phẫu thuật khâu nối gân và điều trị. Hiện tại, hạn chế vận động khớp cổ chân phải. Sẹo phẫu thuật ở gót chân phải kích thước 5,7cm x 0,6cm, đang rò dịch và sưng tấy, tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 23%. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do các thương tích gây nên là 24%. Vật gây thương tích: thương tích ở vai phải và gót chân phải do vật tày có cạnh sắc gây ra, thương tích bàn tay trái do vật tày gây ra.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại [Mai N](#) yêu cầu bị cáo [Nguyễn Văn Đ](#) bồi thường thiệt hại về sức khỏe với tổng số tiền 450.000.000 đồng. Bị cáo đã trực tiếp bồi thường cho bị hại 50.000.000 đồng và tự nguyện nộp 30.000.000 đồng tại Cơ quan điều tra để đảm bảo thi hành án (hiện số tiền hiện có tại Tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch). Tại phiên tòa

ngày 11/7/2024, bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền 30.000.000 đồng cho ông [Mai Ngọc H1](#) để khắc phục một phần thiệt hại.

Quá trình từ khi Tòa án thụ lý vụ án và tại phiên tòa, ông [Mai Ngọc H1](#) giữ nguyên yêu cầu, buộc bị cáo [Nguyễn Văn Đ](#) bồi thường thiệt hại do xâm hại sức khỏe của mình với tổng số tiền 450.000.000 đồng, nhưng không đưa ra số tiền cụ thể đối với từng chi phí, chỉ cung cấp các chứng từ liên quan đến chi phí điều trị, chi phí thuê phương tiện và yêu cầu Tòa án xem xét các khoản chi phí theo quy định của pháp luật. Riêng đối với các chi phí bồi dưỡng trong quá trình điều trị, chi phí thu nhập bị mất hoặc giảm sút của bị hại và người chăm sóc, chi phí phục hồi sức khỏe, bị hại không cung cấp được tài liệu chứng cứ nhưng có yêu cầu Tòa án xem xét theo quy định. Về chi phí bù đắp tổn thất về tinh thần, ông [H1](#) yêu cầu bị cáo bồi thường bằng tiền tương ứng với 24 tháng lương cơ sở.

Vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an huyện B](#) thu giữ 01 (một) thanh kim loại dài 120cm, đường kính 01cm (đã được niêm phong).

Cáo trạng số 32/CT-VKSBT ngày 04/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch truy tố [Nguyễn Văn Đ](#) về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ Luật hình sự, thuộc trường hợp quy định tại các điểm a và điểm i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Bản án số 45/2024/HS-ST ngày 15/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình đã quyết định:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1 Điều 134); Điều 38; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ Luật hình sự; áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự, áp dụng khoản 3 Điều 21; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo [Nguyễn Văn Đ](#) phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo [Nguyễn Văn Đ](#) 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo [Nguyễn Văn Đ](#) phải tiếp tục bồi thường cho ông [Mai Ngọc H1](#) số tiền 37.203.900 đồng (Ba mươi bảy triệu hai trăm lẻ ba nghìn chín trăm đồng).

Ông [Mai Ngọc H1](#) được nhận số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) bị cáo [Nguyễn Văn H2](#) đã nộp để bồi thường cho bị hại hiện có tại Tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bố Trạch theo Giấy nộp tiền vào tài khoản số 0003236 ngày 10/4/2024.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 15/7/2024 bị hại ông [Mai Ngọc H1](#) có đơn kháng cáo với nội dung Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hình phạt của bị cáo là chưa phù hợp, đồng thời yêu cầu bị cáo phải bồi thường trách nhiệm dân sự là 450.000.000 đồng.

Tại phiên toà phúc thẩm ông [Mai Ngọc H1](#) thay đổi kháng cáo với nội dung: Không yêu cầu kháng cáo về hình phạt đối với bị cáo mà chỉ kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo phải bồi thường cho ông số tiền 370.000.00 đồng.

Ngày 19/7/2024, bị cáo [Nguyễn Văn Đ](#) có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo, tại phiên toà bị cáo thay đổi kháng cáo với nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà nêu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, bị cáo và bị hại, luật sư đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Xét kháng cáo của bị cáo: Tại Bản án sơ thẩm số 45/2024/HS-ST của Toà án nhân dân huyện Bố Trạch đã xử phạt bị cáo 18 tháng tù là có căn cứ, phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra. Tuy nhiên, trong giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo đã nộp thêm 37.203.000 đồng để khắc phục hậu quả, đồng thời nộp thêm các tài liệu chứng cứ xác định về việc bị cáo đã có nhiều thành tích trong công tác thiện nguyện trong đợt dịch covid 19 và trong trận lũ lịch sử năm 2020, đây là những tình tiết giảm nhẹ mới tại cấp phúc thẩm mà ở cấp sơ thẩm chưa xem xét, mặt khác tại phiên toà bị cáo thay đổi kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt mà không kháng cáo xin được hưởng án treo, Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm mức hình phạt cho bị cáo 03 tháng tù;

- Xét kháng cáo của bị hại về yêu cầu bồi thường thêm về trách nhiệm dân sự: Tại Bản án sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện bố Trạch đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ để xử buộc bị cáo [Nguyễn Văn Đ](#) phải bồi thường cho bị hại ông [Mai Ngọc H1](#) số tiền 147.203.900 đồng, tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì tổng số tiền chi phí trong thời gian điều trị của bị hại và tiền tổn thất tinh thần, tiền công không lao động được, tiền công của người nuôi là 150.089.861 đồng, tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm bị cáo đã nộp 147.203.000 đồng, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 590 Bộ luật dân sự để buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền còn lại là 2.886.961 đồng;

- Giữ nguyên các quyết định khác của bản án sơ thẩm số 45/2024/HS-ST ngày 15/7/2024 của Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình không có kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tội danh: Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo [Nguyễn Văn Đ](#) khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch và Bản án sơ thẩm đã nhận xét. Lời khai, nhận tội của bị cáo

phù hợp với lời khai tại giai đoạn sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để khẳng định, bị cáo [Nguyễn Văn Đ](#) bị Tòa án nhân dân huyện Bồ trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo của bị hại Hội đồng xét xử xét thấy:

Vào khoảng 11 giờ ngày 26/9/2023, [Nguyễn Văn Đ](#) thấy có người đang đào đất gần khu vực đất của nhà mình. [Đ](#) cầm theo một thanh sắt dài khoảng 120cm, đường kính 01cm và điều khiển xe mô tô đến vị trí có người để xem thì thấy ông [Mai Ngọc H1](#) đang dùng xẻng đào 01 mương thoát nước cạnh hàng rào của hai nhà dẫn nước chảy vào phần đất của nhà mình. Điền hỏi “Thằng mô đào nước chảy vô nương tau đó?”, ông [H1](#) trả lời “Tui đào cho nước chảy đó, kéo nước chảy vào nương tui”. Từ đó, xảy ra mâu thuẫn, [Đ](#) đã sử dụng thanh kim loại mang theo đánh một cái theo hướng từ trên xuống, nhưng ông [Hoàng T1](#) được. Tiếp đó, [Đ](#) lại sử dụng thanh kim loại đánh tiếp một cái từ trên xuống, ông [H1](#) dùng cán xẻng dơ lên đỡ nhưng vẫn trúng vào phần vai phải của [H1](#), phần cán xẻng bị gãy, đập vào bàn tay trái của ông [H1](#). Do bị đánh nên ông [H1](#) bỏ chạy, [Đ](#) tiếp tục đuổi theo sử dụng thanh kim loại đánh từ sau tới, trúng vào phần gót chân phải của ông [H1](#). Thấy chồng bị đuổi đánh, bà [Nguyễn Thị T2](#) (vợ của ông [H1](#)) chạy ra kéo ông [H1](#) vào trong sân nhà rồi đóng cổng lại. Sau đó ông [H1](#) được gia đình đưa đi cấp cứu và điều trị tại [Bệnh viện T4](#) từ ngày 26/9/2023 đến ngày 04/10/2023 thì ra viện, điều trị ngoại trú.

Đối với việc rút kháng cáo của bị hại về hình phạt, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ nên cần chấp nhận;

Đối với kháng cáo về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, tại Bản án số 45/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện Bồ trạch đã căn cứ các tài liệu, chứng cứ để xử buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại là có căn cứ.

Cụ thể:

+ Chi phí khám tại Công ty [Bệnh viện H3](#) vào lúc 12 giờ 20 ngày 26/9/2023 theo Phiếu thu khám dịch vụ: 266.000 đồng;

+ Chi phí khám, điều trị tại [Bệnh viện T5](#) từ 26/9/2023 đến 04/10/2023 và chi phí tái khám ngày 27/10/2023 theo các chứng từ gồm: Phiếu thu bán lẻ ngày 29/9/2023 của Nhà thuốc số 3 [Bệnh viện T5](#): 778.956 đồng; Phiếu thu bán lẻ ngày 03/10/2023 của Nhà thuốc số 3 [Bệnh viện T5](#): 1.773.168 đồng; Phiếu thu bán lẻ ngày 02/10/2023 Nhà thuốc số 3 [Bệnh viện T5](#): 586.200 đồng; Phiếu thu bán lẻ ngày 03/10/2023 Nhà thuốc số 3 [Bệnh viện T5](#): 619.320 đồng; Hóa đơn dịch vụ y tế từ 26/9/2023 đến 04/10/2023 của [Bệnh viện T5](#): 17.283.098 đồng; Phiếu thu dịch vụ y tế của [Bệnh viện T5](#) ngày 27/10/2023: 300.000 đồng; Phiếu thu dịch vụ y tế của [Bệnh viện T5](#) ngày 27/10/2023: 300.000 đồng; Phiếu thu bán lẻ ngày 27/10/2023 Nhà thuốc số 3 [Bệnh viện T5](#): 607.894 đồng. Tổng cộng: 22.248.636 đồng;

+ Chi phí khám, điều trị tại [Bệnh viện T5](#) từ 06/11/2023 đến 28/11/2023 theo các chứng từ gồm: Phiếu thu bán lẻ ngày 07/11/2023 của Nhà thuốc số 3 [Bệnh viện T5](#): 1.840.550 đồng; Phiếu thu bán lẻ ngày 07/11/2023 của Nhà thuốc

số 3 [Bệnh viện T5](#): 85.385 đồng; Phiếu thu bán lẻ ngày 09/11/2023 của Nhà thuốc số 3 [Bệnh viện T5](#): 519.750 đồng; Phiếu thu bán lẻ ngày 12/11/2023 của Nhà thuốc số 3 [Bệnh viện T5](#): 170.770 đồng; Phiếu thu bán lẻ ngày 18/11/2023 của Nhà thuốc số 3 [Bệnh viện T5](#): 221.646 đồng, ngày 21/11/2023: 443.292 đồng và ngày 23/11/2023: 664.938 đồng; Phiếu thu bán lẻ ngày 27/11/2023 của Nhà thuốc số 3 [Bệnh viện T5](#): 3.964.633 đồng; Hóa đơn dịch vụ y tế từ 06/11/2023 đến 28/11/2023 của [Bệnh viện T5](#): 41.963.344 đồng. Tổng cộng: 49.874.308 đồng;

+ Chi phí khám lại tại [Bệnh viện T5](#) ngày 19/01/2024 theo các hóa đơn cụ thể gồm: Phiếu thu dịch vụ y tế của Bệnh viện ngày 19/01/2024: 435.000 đồng; Phiếu thu dịch vụ y tế của Bệnh viện ngày 19/01/2024 chi phí chụp cộng hưởng từ: 2.500.000 đồng; Phiếu thu bán lẻ ngày 19/01/2024 của Nhà thuốc số 3 [Bệnh viện T5](#): 790.200 đồng; Tổng cộng: 3.725.200 đồng;

+ Chi phí khám, điều trị tại [Bệnh viện T6](#) từ ngày 26/02/2024 đến 02/3/2024 theo các chứng từ gồm: Biên lai thu tiền ngày 23/02/2024 của [Bệnh viện T6](#): 300.000 đồng; Biên lai thu tiền ngày 26/02/2024 của [Bệnh viện T6](#): 1.957.900 đồng; Bảng kê chi phí điều trị nội trú tại [Bệnh viện T6](#) (5 ngày): 4.441.085 đồng; Đơn thuốc ngày 01/3/2024 tại [Bệnh viện T6](#): 1.475.500 đồng; Hóa đơn bán hàng ngày 02/3/2024 tại [Bệnh viện T6](#): 164.100 đồng; Đơn thuốc ngày 02/3/2024 tại [Bệnh viện T6](#): 112.300 đồng. Tổng cộng: 8.450.885 đồng.

+ Chi phí điều trị hậu phẫu, phục hồi sức khỏe (Sau khi phẫu thuật tại Bệnh viện 108 về) từ ngày 03/3/2024 đến ngày 07/3/2024 theo các chứng từ gồm: Hóa đơn bán hàng kèm Bảng kê chi phí điều trị nội trú của đợt 5 ngày: 2.367.166 đồng.

Tổng chi phí khám, điều trị các đợt: 87.943.900 đồng.

- Chi phí bồi dưỡng trong quá trình điều trị: Do bị hại không đưa ra mức yêu cầu cụ thể, cũng không cung cấp các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét mà căn cứ Điều 590 của Bộ luật dân sự và Điều 7 của Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng xác định chi phí này theo mức lương tối thiểu vùng tại cơ sở khám chữa bệnh (Theo Nghị định 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022) theo thời gian điều trị của bị hại trong hồ sơ bệnh án, cụ thể như sau:

+ Điều trị tại [Bệnh viện T5](#): thuộc vùng 2 có mức lương tối thiểu là 4.160.000 đồng/tháng, tính theo ngày là $4.160.000 : 26 = 160.000$ đồng/ngày. Tương ứng thời gian điều trị của Bị hại là 30 ngày (02 Đợt) x 160.000 đồng = 4.800.000 đồng;

+ Điều trị tại [Bệnh viện T6 tại quận H](#): thuộc vùng 1 có mức lương tối thiểu là 4.160.000 đồng/tháng, tính theo ngày là $4.160.000 : 26 = 160.000$ đồng/ngày. Tương ứng thời gian điều trị của Bị hại là 05 ngày x 180.000 đồng = 900.000 đồng;

+ Điều trị tại [Bệnh viện V - Đ](#): thuộc vùng 2 có mức lương tối thiểu là 4.160.000 đồng/tháng, tính theo ngày là $4.160.000 : 26 = 160.000$ đồng/ngày.

Tương ứng thời gian điều trị phục hồi sức khỏe của Bị hại là 05 ngày x 160.000 đồng = 800.000 đồng.

Tổng chi phí bồi dưỡng trong các đợt điều trị là: 6.500.000 đồng.

- Chi phí mất thu nhập của người bị thiệt hại và người chăm sóc trong thời gian điều trị: Tại Biên bản làm việc ngày 23/5/2024 và tại phiên tòa, bị hại trình bày nghề nghiệp là lao động tự do, thu nhập thực tế trung bình trong năm khoảng 300.000đồng/ngày và người chăm sóc trình bày nghề nghiệp là bán tạp hóa thu nhập bình quân khoảng 7.000.000 đồng/tháng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị hại và người chăm sóc không cung cấp tài liệu chứng minh về thu nhập của mình để Tòa án xem xét, chỉ yêu cầu giải quyết theo kê khai của mình. Xét không có cơ sở xác định mức thu nhập trung bình của lao động cùng loại với người bị thiệt hại nên Hội đồng xét xử căn cứ mức lương tối thiểu vùng nơi người bị thiệt hại cư trú để xác định. Cụ thể: bị hại và người chăm sóc cư trú tại [xã X, huyện B, tỉnh Quảng Bình](#) thuộc vùng 3 có mức lương tối thiểu vùng là 3.640.000 đồng/tháng, tính theo ngày là $3.640.000 : 26 = 140.000$ đồng/ngày, nên cần buộc bị cáo phải bồi thường chi phí này tương ứng với số ngày điều trị của ông [H1](#) và ngày cần người chăm sóc trong các đợt điều trị với tổng số ngày là 40 ngày x 140.000 đồng/ngày x 2 người = 11.200.000 đồng.

- Đối với chi phí hợp lý cho người chăm sóc về tiền xe đi lại, tiền thuê phòng trọ đã được xác định trong Bảng kê chi phí các đợt điều trị nội trú đã xét ở phần chi phí khám, điều trị nên Hội đồng xét xử không xem xét lại.

- Về chi phí phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút thay thế bộ phận bị mất: Bị hại không đưa ra yêu cầu cụ thể, chỉ cung cấp hóa đơn, chứng từ trong thời gian điều trị phục hồi sức khỏe tại [Bệnh viện V](#) – Cu ba [Đ](#) và chi phí này đã được tính trong chi phí điều trị, phục hồi sức khỏe ở phần trên nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét lại.

- Về chi phí thuê phương tiện đi lại khám, chữa bệnh: Quá trình giải quyết vụ án, bị hại có cung cấp một số phiếu thu tiền thuê phương tiện, không phải là hóa đơn hợp lệ và một số chứng từ không phù hợp với lộ trình về mặt thời gian cũng như địa điểm điều trị. Tuy nhiên, xét đây là chi phí hợp lý và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận một phần chi phí này tương ứng với lộ trình và thời gian điều trị cụ thể như sau:

- + Lộ trình đi từ [X](#) vào [Bệnh viện H4](#) ngày 26/9/2023: 500.000 đồng;
- + Lộ trình đi từ [Đ](#) vào [Bệnh viện T5](#) ngày 26/9/2023: 2.000.000 đồng; Lộ trình đi từ [Bệnh viện T5 về X](#): 2.500.000 đồng;
- + Lộ trình tái khám [Xuân T3](#) vào [Bệnh viện T5](#) đi và về trong ngày 27/10/2023: 2.500.000 đồng;
- + Lộ trình đi và về [X](#) - [Bệnh viện T5](#) trong đợt điều trị từ ngày 06/11/2023 đến ngày 28/11/2023: 4.700.000 đồng;
- + Lộ trình đi và về [X](#) - [Bệnh viện T5](#) trong ngày 19/01/2024: 4.700.000 đồng;

+ Lộ trình đi và về trong đợt điều trị tại [Bệnh viện T6](#) từ ngày 26/02/2024 đến ngày 02/3/2024 Theo vé xe giường nằm cho 02 người với mức trung bình 640.000 đồng/1 vé x 4 = 2.560.000 đồng;

+ Lộ trình từ [Bệnh viện V](#) – Cu ba [Đ](#) về Xuân Trạch ngày 07/3/2024: 500.000 đồng.

Tổng chi phí thuê phương tiện đi lại được chấp nhận: 17.460.000 đồng.

- Về chi phí bù đắp tổn thất về tinh thần: Xét yêu cầu của bị hại buộc bị cáo bồi thường tổn thất về tinh thần được xác định bằng tiền tương ứng với 24 tháng lương cơ sở thấy rằng, mặc dù tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại được xác định là 24% tạm thời, nhưng sau khi gây thương tích, gia đình bị cáo đã trực tiếp hỗ trợ 50 triệu để cứu chữa cho bị hại và chủ động nộp 30 triệu vào tài khoản của Chi cục thi hành án để bảo đảm khắc phục kịp thời thương tích cho bị hại. Tại phiên tòa, bị cáo tiếp tục bồi thường thêm cho bị hại số tiền 30 triệu để chi phí phục hồi sức khỏe. Mặt khác, nguyên nhân của việc Bị hại phải điều trị nhiều lần tại các Bệnh viện xuất phát từ khả năng điều trị của các cơ sở chữa bệnh, nằm ngoài ý muốn chủ quan của bị cáo. Sau quá trình điều trị, thương tích của bị hại đã dần hồi phục và đến thời điểm hiện tại bị hại đã tự thực hiện được các sinh hoạt hàng ngày. Do đó, cần buộc bị cáo phải bồi thường chi phí tổn thất về tinh thần cho bị hại tương ứng với 12 tháng lương cơ sở do Nhà nước quy định tại Điều 3 Nghị định 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 là phù hợp. Như vậy, bị cáo phải bồi thường cho bị hại tương ứng với số tiền là 1.800.000 đồng x 12 tháng = 21.600.000 đồng.

Như vậy, tổng chi phí cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại là 150.089.861 đồng. Bị cáo đã bồi thường được 147.203.900 đồng, nên cần buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền là 2.886.961 đồng.

Tuy nhiên tại Bản án của cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 590 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 02/2022/NQ- HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Nghị định 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động là thiếu sót; mặt khác tại cấp sơ thẩm cộng sai số ở phần chi phí thuê phương tiện đi lại khám chữa bệnh, chi phí điều trị tại [Bệnh viện T6](#) và không căn cứ các hoá đơn chi phí mua thuốc của ông [H1](#) vào ngày 22/12/2023 với số tiền 2.134.288 đồng là thiếu sót. Vì vậy, cần sửa phân trách nhiệm dân sự và phần án phí dân sự của Bản án số 45/2024/HS-ST ngày 15/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

[3] Đối với việc kháng cáo của bị cáo về hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng tại cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tình tiết của vụ án để xử phạt 18 tháng tù là có căn cứ, tuy nhiên, trong giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo đã nộp thêm 37.203.000 đồng để khắc phục hậu quả, đồng thời nộp thêm các tài liệu chứng cứ xác định về việc bị cáo đã có nhiều thành tích trong công tác thiện nguyện trong đợt dịch covid 19 và trong trận lũ lịch sử năm 2020, đây là những tình tiết giảm nhẹ mới tại cấp phúc thẩm mà ở cấp sơ thẩm chưa xem xét, mặt khác tại phiên tòa bị cáo thay đổi kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt mà không kháng cáo xin được hưởng án treo, Vì vậy, cần căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản

1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự để chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa án sơ thẩm, giảm mức hình phạt cho bị cáo 03 tháng tù là thể hiện tính nhân đạo của pháp luật và cũng phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa;

[3]. Về án phí hình sự: Kháng cáo của bị cáo [Nguyễn Văn Đ](#) được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm;

[4] Về án phí dân sự: Bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để sung vào Ngân sách Nhà nước; Bị hại không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp điểm a, i khoản 1 Điều 134); Điều 38; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 của Bộ Luật hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Điều 590 của Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 02/2022/NQ- HĐTP ngày 06/9/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Nghị định 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 của Chính phủ; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. Chấp chấp nhận kháng cáo của bị cáo về phần hình phạt, không chấp nhận kháng cáo của bị hại đối với phần trách nhiệm dân sự của Bản án sơ thẩm số 45/2024/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách.

2. Tuyên bố bị cáo [Nguyễn Văn Đ](#) phạm tội: “ Cố ý gây thương tích”.

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo [Nguyễn Văn Đ](#) 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày chấp hành án.

4. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo [Nguyễn Văn Đ](#) phải tiếp tục bồi thường cho ông [Mai Ngọc H1](#) số tiền 2.886.691 đồng (Hai triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn sáu trăm chín mươi một nghìn một trăm đồng).

Ông [Mai Ngọc H1](#) được nhận số tiền 60.203.900 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình (Tiền bị cáo nộp để bồi thường cho ông [Mai Ngọc H1](#)).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Về án phí: Bị cáo [Nguyễn Văn Đ](#) phải nộp 7.504.493 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (25/9/2024)./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Phòng Hồ sơ CA tỉnh Quảng Bình;
- CQĐT, VKSND, TAND huyện Lệ Thủy;
- Chi cục THADS huyện Lệ Thủy;
- Vụ GĐKT 1 TAND tối cao;
- Bị cáo;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Dương